

LẠM PHÁT CƠ BẢN TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu^(*)

Từ năm 2004 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam liên tục tăng cao (9,5% năm 2004 và 8,4% năm 2005), người ta bắt đầu nói nhiều đến khái niệm *Lạm phát cơ bản* (hay còn gọi là Lạm phát thực chất)⁽¹⁾. Thậm chí có những người còn tính nhanh bằng cách loại trừ ngay nhóm Lương thực thực phẩm ra khỏi rổ hàng hoá CPI và công bố chỉ số này là chỉ số Lạm phát cơ bản của Việt Nam. Vậy *Lạm phát cơ bản* là gì? Tại sao phải tính toán *Lạm phát cơ bản*? *Lạm phát cơ bản* của các quốc gia trên thế giới ra sao? và cuối cùng là Việt Nam bắt đầu nghiên cứu *Lạm phát cơ bản* từ bao giờ?

1. Lạm phát cơ bản là gì?

Lạm phát cơ bản (Core Inflation): là tỷ lệ lạm phát thể hiện sự thay đổi mức giá mang tính chất lâu dài mà loại bỏ những thay đổi mang tính tạm thời nên *lạm phát cơ bản* chính là lạm phát xuất phát từ nguyên nhân tiền tệ (hay chính lạm phát theo quan niệm của Friedman). Do đó không phải là CPI mà *Lạm phát cơ bản* là một công cụ đặc lực giúp Ngân hàng trung ương (NHTW) có con mắt đánh giá đúng đắn về lạm phát, qua đó mới có thể chỉ dẫn cho mục tiêu chính sách tiền tệ trong tương lai và một khi giá cả ổn định sẽ là tiền đề cho các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác ổn định và phát triển. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng các tác động của chính sách tiền tệ sau một độ trễ thời gian mới có hiệu lực, do đó sẽ là quá muộn nếu các NHTW đợi cho đến khi tỷ lệ *Lạm phát*

cơ bản bắt đầu tăng thì mới bắt đầu cố gắng làm giảm sức ép lạm phát.

Tùy vào các phương pháp đo lường khác nhau, các nước công nghiệp tiên tiến có phân biệt rõ ràng giữa tỷ lệ lạm phát được công bố rộng rãi theo thông lệ (thường là CPI, chỉ số giảm phát GDP) và tỷ lệ *Lạm phát cơ bản* (có thể công bố hoặc không công bố mà chỉ để sử dụng nội bộ tùy từng quốc gia).

Điểm khác nhau giữa CPI, chỉ số giảm phát GDP và tỷ lệ *Lạm phát cơ bản* là CPI và chỉ số giảm phát GDP đều do tổng hợp tất cả các nhân tố tác động lên Mức giá bao gồm cả sức ép về cầu, cung cùng với những trông chờ kỳ vọng vào tương lai còn *Lạm phát thực chất* chính là tỷ lệ lạm phát đã được điều hoà theo các yếu tố sức ép bên cầu cùng với những trông chờ kỳ vọng vào tương lai và loại bỏ những biến động lớn gây sốc bên cung. Ví dụ đối với một số loại giá được coi là biến động lớn, khá ngẫu nhiên mà không theo bất kỳ một hướng nào như trường hợp của các loại lương thực thực phẩm biến động theo thời vụ và theo chất lượng mùa màng, sự gia tăng của giá dầu thô cũng thường xuyên chịu tác động bởi nhân tố tạm thời, chẳng hạn như thời tiết; những thay đổi về giá các mặt hàng do nhà nước quản lý, thay đổi các mức thuế gián thu,... Tất cả những cái đó chỉ gây ra thay đổi tạm thời mức giá và sẽ biến mất sau đó mà không đưa ra được xu hướng

^(*) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

của lạm phát về cơ bản và lâu dài. Do những biến động này đều là những biến động nhất thời về giá cả và làm méo mó việc đo lường xu hướng lạm phát nên đều phải loại trừ.

Trên thực tế, sẽ rất khó khăn trong việc xác định liệu những biến động về giá cả chỉ là tạm thời hay chúng kéo dài trong một thời gian lâu hơn. Chẳng hạn như giá cả dầu thô. Sự tăng giá của dầu thô ngoài sự biến động mùa vụ do thời tiết còn phụ thuộc chủ yếu vào nhu cầu trung hạn về dầu thô trên thị trường quốc tế và do đó lại phụ thuộc vào các nhân tố tăng trưởng kinh tế. Theo quan điểm của các nước nhập khẩu dầu, những thay đổi về tỷ giá của đồng bản tệ so với đồng USD cũng đóng một vai trò quan trọng đối với sự biến động giá dầu. Đối với các loại thực phẩm theo thời vụ lại có vấn đề là: Trong khi có những biến động lớn mang tính đột biến thì giá cả của các mặt hàng này vẫn theo xu hướng giá cả chung. Điều này đặc biệt quan trọng trong trường hợp nếu ta loại hẳn các loại giá cả này ra khỏi CPI thì sẽ loại bỏ cả phần biến động mang tính chất lâu dài của các nhóm này nên sẽ tách hẳn chúng khỏi xu hướng chung và do đó có thể sẽ làm thay đổi xu hướng. Chính vì vậy nếu loại bỏ hoàn toàn và thường xuyên các cấu phần giá cả nhiên liệu và lương thực thực phẩm thời vụ thì xu hướng lạm phát không bao giờ được phản ánh đầy đủ.

Hơn nữa việc tách hẳn nhân tố tạm thời ra khỏi nhân tố lâu dài cũng rất khó khăn. Do đó, để khắc phục nhược điểm này nhiều NHTW đang tăng cường sử dụng mô hình hoá tỷ lệ lạm phát cơ bản ở nước mình theo hai cách chủ yếu: *một là* xác định các thành phần giá cả dễ biến động và quy định một

quyền số thấp trong tính toán, như vậy những thông tin về loại giá cả này không hoàn toàn mất đi. *Hai là* chia tách sự biến động chỉ số giá cả tiêu dùng, hoặc các nhóm hàng hoá riêng lẻ cấu thành CPI thành những phần mang tính tạm thời và phần mang tính thường xuyên và lâu dài, trong đó phần có tính lâu dài sẽ biểu thị xu hướng lạm phát và tỉ lệ lạm phát khi đó sẽ được xác định tương ứng cho kỳ hạn dài hơn 1 năm.

2. Lạm phát cơ bản của một số quốc gia trên thế giới

Xu hướng từ nhiều năm nay trên thế giới đặc biệt ở những nước công nghiệp tiên tiến như Mỹ hay các nước EU đã xem xét tỷ lệ *Lạm phát cơ bản* làm cơ sở cho việc điều hành chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, tùy từng nước mà những điều chỉnh đặc biệt về phạm vi giới hạn tính toán CPI phụ thuộc vào điều kiện hoàn cảnh và khái niệm của từng cơ quan thống kê trung ương của mỗi nước. Ví dụ: NHTW Anh chỉ loại bỏ các khoản chi phí trả lãi mua nhà trả chậm vì nếu lãi suất cho vay ngắn hạn tăng sẽ dẫn đến sự gia tăng tạm thời của lạm phát; Ngoài ra để tránh các tác động ngoài mong muốn của chính sách tài chính lên chính sách tiền tệ, các NHTW Canada, Phần lan và Thụy điển đều loại bỏ yếu tố thuế gián thu ra khỏi tỷ lệ lạm phát cơ bản; NHTW Thụy Điển còn loại trừ giá các loại nhiên liệu và những biến động giá hàng nhập khẩu ra khỏi chỉ số này vì Thụy điển là nước có tỷ lệ nhập khẩu cao; NHTW Mỹ, Canada, Australia, ECB loại bỏ chỉ số giá nhiên liệu và các loại thực phẩm theo thời vụ chưa chế biến hoặc Cơ quan thống kê liên minh Châu Âu loại bỏ giá cả thực phẩm, rượu, thuốc lá và nhiên liệu (*tham khảo bảng trang sau*).

Mục đích của việc loại trừ nhiên liệu, thực phẩm theo thời vụ trong chừng mực nào đó cả thuốc lá và rượu tại khu vực sử dụng đồng Euro là để luôn có được chỉ số đáng tin cậy hơn về xu hướng lạm phát.

Mặc dù tồn tại nhiều cách đo lường khác nhau, nhưng các định nghĩa không phải tùy tiện, ở đâu cũng vậy, ý tưởng đằng sau khái niệm *lạm phát cơ bản* là những biến động nhất thời về giá cả làm méo mó việc đo lường xu hướng lạm phát chung đều phải loại trừ.

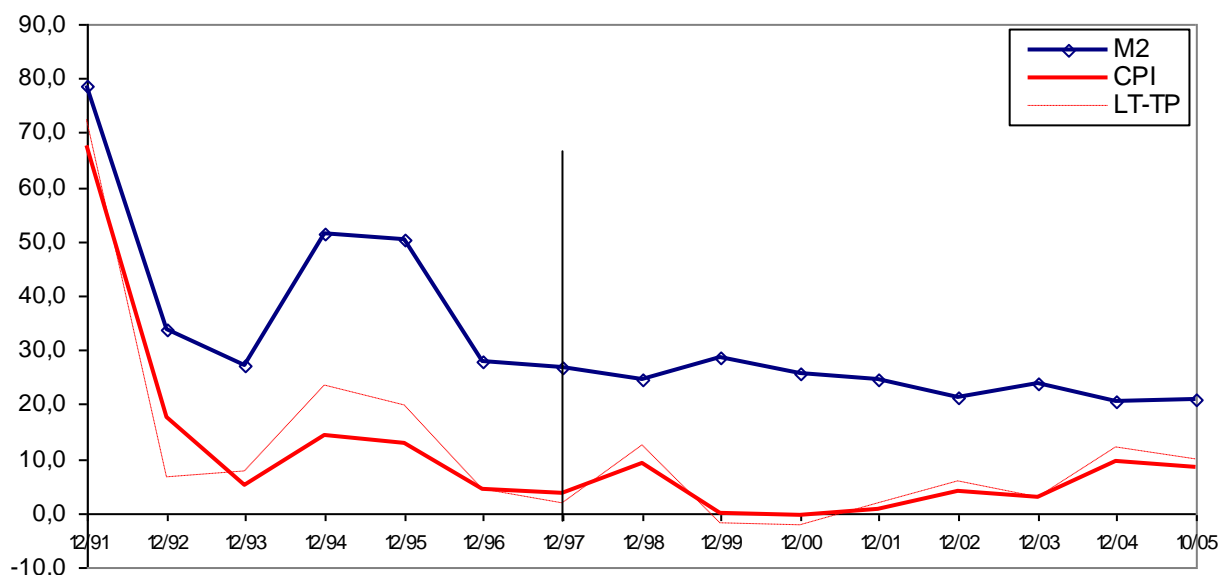
Tuy nhiên tỷ lệ lạm phát cơ bản không phải là một chỉ số hàng đầu về sự thay đổi xu hướng giá cả vì lạm phát cơ bản đương nhiên là rất quan trọng đối với những nhà hoạch định chính sách, nhưng đối với công chúng điều mà họ quan tâm lại chính là mức

giá chung (CPI) và chính sách tiền lương. Khi đó, không còn cách nào khác hơn là phải quan tâm đến nhiều chỉ số kinh tế khác. Do cả tỷ lệ lạm phát công bố và tỷ lệ lạm phát cơ bản đều có những lợi ích và các mặt hạn chế, tốt nhất là nên theo dõi cả hai chỉ số này để đánh giá đầy đủ về tình hình lạm phát hay ổn định giá cả thị trường.

Đối với một số nước trên thế giới, những thông tin về xu hướng rất quan trọng vẫn đang còn bị bỏ qua trong cách tính lạm phát (kể cả lạm phát cơ bản). Do vậy, chỉ số này phải thường xuyên được xem xét và điều chỉnh lại cách tính cho phù hợp tình hình thực tế ở từng nước, từng khu vực.

3. Quá trình nghiên cứu và tính toán lạm phát cơ bản của Việt Nam:

DIỄN BIẾN CPI, M2, CHỈ SỐ GIÁ LT-TP (TỪ 1991-2005)



Bắt đầu từ năm 1998 cho đến nay ở Việt Nam diễn biến của mức cung tiền (M2) đã không còn đúng với quy luật vận động

của Chỉ số giá tiêu dùng, thậm chí còn ngược quy luật (*đồ thị*). Tuy nhiên riêng diễn biến chỉ số giá của nhóm lương thực thực

phẩm (LT-TP) luôn theo sát chỉ số giá tiêu dùng. Điều này được giải thích là do các cơn sốc phía cung đã tác động đến CPI mạnh hơn các cơn sốc phía cầu có nghĩa là sự thay đổi của mức cung tiền M2 tác động không mạnh bằng sự thay đổi của giá cả lương thực - thực phẩm. Bắt đầu từ hiện tượng thời tiết bất thường El Nino và La Nina năm 1998 làm sản lượng lương thực toàn cầu giảm mạnh đã đẩy chỉ số giá lương thực - thực phẩm (LT- TP) tăng cao nên tác động mạnh tới CPI. Đến giai đoạn 1999-2001 Việt Nam đã trải qua một giai đoạn lạm phát rất thấp, thậm chí cả giảm phát (1999: 0,1%; 2000:-0,6%; 2001: 0,8%) trong khi chính sách tiền tệ lại liên tục nới lỏng trong giai đoạn này, cụ thể lãi suất cho vay giảm từ mức 14,4%/năm (1998) xuống còn 9%/năm (2001). Nguyên nhân chủ yếu là do giá LT,TP và nhiều nông sản khác giảm mạnh trên thị trường thế giới như thóc, gạo, cà phê, cao su... thể hiện bởi chỉ số giá xuất khẩu LT-TP của Việt Nam liên tục giảm mạnh: 1999: -6%; 2000: -9,6%; 2001: -14,2%. Hiện tượng này xảy ra không riêng gì đối với Việt Nam mà cả thế giới. Do đó có thể kết luận lạm phát lúc này chủ yếu xuất phát từ phía cung nên không còn là chỉ báo tốt cho việc điều hành chính sách tiền tệ (CSTT) và đương nhiên sẽ liên quan đến việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

Xuất phát từ những bất cập trên, tháng 7/2000 tại Hội thảo về đề tài lạm phát cơ bản và cách dự báo lạm phát do Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu của các NHTW Đông Nam Á (SEACEN) tổ chức cho các quan chức của các NHTW các nước Châu Á tại Malaysia (chủ yếu là các nước đang phát triển như Ấn Độ, Malaysia, Mông Cổ, Nepal, Philipine, Thái Lan, Trung Quốc, Việt

Nam và Srilanka), tất cả các thành viên tham dự hội thảo đều đã nhận thức được sự cần thiết và tầm quan trọng của chỉ số Lạm phát cơ bản trong việc điều hành chính sách tiền tệ nói riêng và công tác điều hành chính sách vĩ mô nói chung của một quốc gia.

Ở Việt Nam, từ năm 2001 đến nay, Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật của Chính phủ Thụy Sĩ về những kiến thức cơ bản và phương pháp tính Lạm phát cơ bản.

Sau thời gian chuẩn bị kiến thức và số liệu, ngày 03/06/2004, tại cuộc họp Hội đồng Tư vấn CSTT Quốc gia, trên cơ sở ý kiến của NHNN, Chủ tịch Hội đồng - Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Tấn Dũng đã giao Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với NHNN và các Bộ, Ngành có liên quan nghiên cứu xác định tỷ lệ lạm phát cơ bản và điều này đã được thể hiện tại Thông báo số 08/HĐTCTTQG ngày 16/06/2004.

Hiện nay TCTK và NHNN đang trong quá trình hoàn thiện việc tính toán chỉ số Lạm phát cơ bản và nếu mọi việc diễn ra như theo đúng kế hoạch thì bắt đầu từ năm 2006 Việt Nam có thể chuyển sang giai đoạn công bố nội bộ về kết quả thử nghiệm tính toán lạm phát cơ bản.

Có thể nói việc tính toán lạm phát cơ bản là khá công phu và phức tạp đòi hỏi kiến thức cũng như kinh nghiệm phân tích và đánh giá xu hướng biến động của giá cả và cơ sở quan trọng nhất để tính toán tỷ lệ lạm phát cơ bản chính là chất lượng chuẩn xác và tính kịp thời của các số liệu thống kê về giá cả được tập hợp và xử lý trong tính toán. Do đó nếu cho rằng chỉ cần loại trừ nhóm lương thực thực phẩm trong 10 nhóm

hàng hoá cấp I ra khỏi CPI để tính lạm phát cơ bản thì kết quả tính toán này không thể coi là tỷ lệ LPCB mà chỉ có thể coi là tỷ lệ lạm phát giá các mặt hàng phi Lương thực-thực phẩm vì những lý do sau:

Thứ nhất: Quyền số nhóm lương thực thực phẩm của Việt nam khá cao:

Ở Việt Nam, Lương thực - thực phẩm là một trong 10 nhóm hàng hóa của rổ hàng hóa dịch vụ tiêu dùng và đây là nhóm có quyền số lớn nhất (47,9%). Trong khi đó trên thế giới, ngay cả những nước phát triển, do đời sống và thu nhập ở mức cao nên chỉ tiêu cho nhóm Lương thực - thực phẩm là nhỏ (có nghĩa là quyền số của nhóm Lương thực-thực phẩm nhỏ) nhưng qua tham khảo kinh nghiệm các nước mặc dù quyền số nhóm lương thực thực phẩm là nhỏ nhưng *cũng chưa thấy có quốc gia nào loại trừ trực tiếp cả nhóm Lương-thực thực phẩm khi tính LPCB* và ước các nhóm được loại trừ cũng chưa có nước nào loại trừ quá 30% quyền số.

Mặt khác, theo số liệu thống kê, thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương (PPP) của Việt Nam dù đang tăng nhưng vẫn ở mức thấp là 1996 USD/năm tại thời điểm năm 2001. Nếu so sánh chỉ trong khối ASEAN, thì thu nhập bình quân PPP của Việt Nam chỉ cao hơn Lào (1575 USD/năm) và Campuchia (1446 USD/năm). Do đó, lại càng không thể loại bỏ nhóm Lương thực- thực phẩm.

Thứ hai: Loại bỏ cả nhóm Lương thực thực phẩm thì có thể vừa loại bỏ nhầm, vừa bỏ sót:

Về nguyên tắc, để tính LPCB thì cần loại bỏ các nhóm hàng có giá cả thay đổi đột biến, nhất thời. Do đó, nhóm loại bỏ thường

chỉ là nhóm cấp III mà không thể là nhóm cấp I. Ví dụ: Nhật, Tây ban Nha loại trừ nhóm Lương thực chưa chế biến; Anh chỉ loại trừ Lãi suất cầm cố; Mỹ loại trừ Lương thực và Năng lượng, nhưng không loại trừ Thực phẩm. Trong trường hợp của Việt Nam, nhóm Lương thực - thực phẩm (nhóm cấp I) bao gồm nhiều nhóm nhỏ khác nhau (3 nhóm cấp II hoặc 20 nhóm cấp III); đồng thời mỗi nhóm nhỏ cũng có mức độ biến động giá cả khác nhau. Do đó, nếu loại bỏ cả nhóm lớn Lương thực-thực phẩm gồm 20 nhóm hàng cấp III mà mỗi nhóm này lại có mức độ biến động giá khác nhau, như thế có thể lại “vừa loại nhầm” những nhóm nhỏ không có những thay đổi đột biến, lại “vừa bỏ sót” những nhóm khác có những thay đổi đột biến nhưng không nằm trong nhóm Lương thực- thực phẩm, ví dụ như xăng dầu.

Thứ ba, loại bỏ hoàn toàn cả nhóm lương thực, thực phẩm có thể loại bỏ nhầm cả thành phần Lạm phát cơ bản:

Trong nhóm lương thực - thực phẩm, bên cạnh những biến động giá mang tính nhất thời, cũng không loại trừ khả năng có sự biến động giá mang tính lâu dài. Do đó, nếu loại bỏ hoàn toàn cả nhóm Lương thực -thực phẩm thì sẽ loại bỏ cả thành phần biến động giá mang tính chất lâu dài và cơ bản.

Thứ tư: Liệu quyền số nhóm lương thực thực phẩm của Việt Nam hiện nay là 47,9% có quá cao?

Đối với Việt Nam, quá trình điều chỉnh quyền số nhóm Lương thực - thực phẩm của TCTK như sau: Trước thời điểm tháng 7/2001, quyền số của nhóm Lương thực - thực phẩm còn ở mức 60,86%. Với mức cao như vậy, một số Bộ, Ngành đã có ý kiến với

TCTK về việc xem xét lại cho phù hợp vì quyền số các nhóm hàng để tính toán CPI được xác định từ đợt khảo sát từ năm 1994. Trong khi đó, từ năm 1994-2000 nền kinh tế Việt Nam đã có những bước tăng trưởng mạnh, thu nhập của các hộ gia đình cũng đã tăng lên, nên tỉ trọng chi tiêu cho lương thực thực phẩm của các hộ gia đình cũng giảm xuống. Đến năm 2000 TCTK đã tiến hành một đợt khảo sát mới, theo đó quyền số của nhóm Lương thực-thực phẩm đã được điều chỉnh giảm xuống mức 47,9% từ tháng 7/2001.

Với quyền số mới 47,9% đối với nhóm Lương thực – Thực phẩm, có ý kiến cho rằng mức này vẫn còn cao. Tuy nhiên, hiện nay trên 70% dân số Việt Nam là nông dân, thu nhập còn thấp, nên tỉ trọng chi tiêu cho lương thực thực phẩm chiếm đa số. Hơn nữa, ngay đối với khu vực thành thị cũng rất nhiều hộ gia đình có chi tiêu cho Lương thực thực phẩm hàng tháng cũng phải khoảng trên dưới 30%. Mặt khác, để có được con số này, trong năm 2000 TCTK đã trực tiếp điều tra cơ cấu chi tiêu của các hộ gia đình, trong khi đó các ý kiến khác chỉ dựa trên sự phán đoán.

LẠM PHÁT CƠ BẢN CÔNG BỐ VÀ SỬ DỤNG NỘI BỘ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Quốc gia	Lạm phát cơ bản công bố chính thức	Lạm phát cơ bản sử dụng nội bộ
Canada	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> lương thực, năng lượng và thuế gián thu	- <i>CPI loại trừ trực tiếp</i> 8 hạng mục hay biến động nhất (tỉ trọng 16%) - <i>CPI xác định giá trung tâm</i> - <i>CPI loại trừ có sắp xếp</i> (tỉ trọng 15%)
Thái Lan	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> lương thực tươi sống và giá năng lượng (tỉ trọng 23%)	- <i>CPI loại trừ trực tiếp</i> (tỉ trọng 10%)
Úc	Chỉ số lạm phát cơ bản của Kho Bạc	- <i>CPI loại trừ trực tiếp</i> - <i>CPI xác định giá trung tâm</i>
New Zealand	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> tiền lãi phải trả	
Singapore	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> chi phí về nhà ở và giao thông đường bộ của tư nhân	- <i>CPI loại trừ trực tiếp</i> các mặt hàng biến động (tỉ trọng 30%) - <i>CPI loại trừ có sắp xếp</i> (tỉ trọng 15%) - <i>CPI xác định giá trung tâm</i>

Quốc gia	Lạm phát cơ bản công bố chính thức	Lạm phát cơ bản sử dụng nội bộ
Nhật bản	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> hàng lương thực tươi sống	
Peru	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> 9 hạng mục (lương thực, rau và hoa quả, giao thông đô thị), tỉ trọng 21,2%.	
Mỹ	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> lương thực và năng lượng	
Anh	Chỉ số giá bán lẻ (RPI) loại trừ lãi suất cầm cố	- CPI loại trừ trực tiếp (tỉ trọng 15%) - CPI xác định giá trung tâm
Chi lê	<i>CPI loại trừ có sắp xếp</i> 20% mặt hàng có biến động giá giảm nhiều nhất; và 8% mặt hàng có biến động giá tăng nhiều nhất	
Colombia	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> lương thực nông nghiệp, dịch vụ công và giao thông	
Đức	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> thuế gián thu	
Tây Ban Nha	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> lương thực chưa chế biến	
Hà Lan	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> rau, hoa quả và năng lượng	
Ireland	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> tiền lãi cầm cố <i>CPI loại trừ trực tiếp</i> tiền lãi cầm cố, giá lương thực và năng lượng	
Bồ Đào Nha	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> lương thực chưa chế biến và năng lượng	
Philippines	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> gạo, ngô, rau và hoa quả, dầu, dầu hoả, dầu diesel, dầu hoả chung cất kerosene, dầu khí hoá lỏng (tỉ trọng 18,4%)	
Thụy Điển	<i>CPI loại trừ trực tiếp</i> thuế gián thu, giá một số nhiên liệu và hàng nhập khẩu	

(1) Tạm dịch từ tiếng Anh “Underlying (Core) inflation rate” hay còn gọi là Lạm phát cơ bản

Tài liệu tham khảo

1. Core inflation – NHTW Thụy sỹ, BHF
2. Chuyên khảo “Chỉ số giá tiêu dùng” – Tháng 4/2000
3. Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính - Frederic S. Mishkin
4. Bản tin của IMF